

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN ĐĂNG DŨNG

**BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN
TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ**

Chuyên ngành : Luật hình sự và tố tụng hình sự
Mã số : 60 38 01 04

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2014

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Nguyễn Ngọc Chí

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2014.

**Có thể tìm hiểu luận văn
tại Trung tâm thông tin - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm tư liệu - Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang		Trang
<i>Trang phụ bì</i>			
<i>Lời cam đoan</i>			
<i>Mục lục</i>			
<i>Danh mục các từ viết tắt</i>			
MỞ ĐẦU	1		
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ	7		
1.1. Khái niệm	7		
1.1.1. Khái niệm biện pháp ngăn chặn	7		
1.1.2. Khái niệm giai đoạn điều tra vụ án hình sự	11		
1.2. Vị trí, vai trò của các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự	14		
1.2.1. Vị trí các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự	14		
1.2.2. Vai trò của các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự	17		
1.3. Căn cứ, nội dung, điều kiện áp dụng biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự	18		
1.3.1. Căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự	18		
1.3.2. Nội dung áp dụng biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự	21		
1.3.3. Điều kiện áp dụng biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra hình sự	23		
1.4. Vấn đề bảo vệ quyền con người trong việc áp dụng biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự	24		
1.4.1. Quyền con người được quy định trong Hiến pháp và các văn bản pháp lý khác	24		
1.4.2. Bảo vệ quyền con người thông qua quy định của luật tố tụng hình sự về áp dụng các biện pháp ngăn chặn	26		
1.5. Biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự trong một số mô hình tố tụng hình sự tiêu biểu	28		
1.5.1. Biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự của Liên bang Nga	28		
		1.5.2. Biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự của Trung Quốc	30
		1.5.3. Biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự của Cộng hòa Liên bang Đức	33
		Chương 2: QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ VÀ THỰC TRẠNG ÁP DỤNG	36
		2.1. Quy định của pháp luật Việt Nam về biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự	36
		2.1.1. Quy định của pháp luật Việt Nam về biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự trước năm 2003	36
		2.1.2. Quy định của pháp luật Việt Nam về các biện pháp ngăn chặn theo Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003	39
		2.2. Thực trạng áp dụng biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự	54
		2.2.1. Thực tiễn áp dụng biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự	54
		2.2.2. Những khó khăn, vướng mắc và hạn chế trong việc áp dụng biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự	63
		Chương 3: CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ	72
		3.1. Cơ sở nâng cao hiệu quả áp dụng biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự	72
		3.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự	74
		3.2.1. Hoàn thiện quy định của pháp luật về các biện pháp ngăn chặn	74
		3.2.2. Tuân thủ các quy định của pháp luật trong quá trình áp dụng các biện pháp ngăn chặn	78
		3.2.3. Nâng cao tinh thần trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng trong áp dụng biện pháp ngăn chặn	80
		3.2.4. Xử lý nghiêm minh, kịp thời các trường hợp vi phạm trong quá trình áp dụng biện pháp ngăn chặn	82
		3.2.5. Tăng cường mối quan hệ phối hợp, trao đổi giữa các cơ quan tiến hành tố tụng cũng như các cơ quan, tổ chức hữu quan	86
		3.2.6. Các giải pháp khác	88
		KẾT LUẬN	93
		DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	95

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Các biện pháp ngăn chặn (BPNC) là một chế định quan trọng của pháp luật tố tụng hình sự (TTHS), là phương tiện cưỡng chế nhà nước có hiệu quả nhất để phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm và bảo đảm cho việc giải quyết vụ án hình sự đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mặt khác, nó còn là phương tiện pháp lý bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân đối với người bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và cả người liên quan đến tội phạm chưa bị khởi tố, bị can, bị cáo, cũng như thân nhân của họ.

Việc áp dụng các BPNC đối với người có hành vi phạm tội được xem là một yếu tố quan trọng, thiết yếu của quá trình điều tra, bởi lẽ nó ảnh hưởng trực tiếp đến sinh mệnh chính trị và các quyền cơ bản của công dân, liên quan đến đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Thực tiễn điều tra hình sự nói chung, điều tra vụ án hình sự nói riêng cho thấy, việc áp dụng các BPNC trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự hết sức phức tạp, nhạy cảm và còn nhiều khó khăn, vướng mắc. Trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, việc áp dụng các BPNC không chỉ là áp dụng pháp luật đơn thuần mà còn phải cân nhắc tới nhiều yếu tố như pháp luật, chính trị, nghiệp vụ, vấn đề quyền con người để cân nhắc tính toán, hạn chế đến mức thấp nhất những sơ hở, thiếu sót.

Tuy nhiên, trong khoa học luật TTHS, chế định các BPNC vẫn chưa được quan tâm, nghiên cứu một cách thỏa đáng đối với tầm quan trọng của nó theo định hướng của Đảng về việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật phòng ngừa và đấu tranh, phòng ngừa tội phạm. Việc áp dụng các BPNC thời gian qua đã đạt được những kết quả đáng kể, thu được những kinh nghiệm nhất định, nhưng đồng thời cũng bộc lộ những hạn chế, tồn tại, vướng mắc về mặt nhận thức, tổ chức thực hiện... cần phải được nghiên cứu giải quyết.

Từ những lý do trên, tác giả đã lựa chọn đề tài "**Biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự**" làm đề tài luận văn thạc sĩ nhằm đáp ứng yêu cầu về lý luận và thực tiễn đặt ra.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Các BPNC được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) của hầu hết các nước trên thế giới. Vì vậy, có nhiều tác giả ở nước ngoài đã nghiên cứu nội dung các BPNC với phạm vi khác nhau. Riêng dưới góc độ luật TTHS, các công trình nghiên cứu về các BPNC khá phong phú và đa dạng ở nước ngoài, nhất là các nước như Trung Quốc, Nga, Mỹ, Nhật Bản, Đức. Việc tiếp cận, nghiên cứu các công trình về các BPNC dưới góc độ luật TTHS cũng rất thuận lợi, nhất là trong thời kỳ hội nhập quốc tế và hợp tác trên nhiều lĩnh vực như hiện nay. Đây là điều kiện thuận lợi để nghiên cứu, so sánh quy định về các BPNC trong BLTTHS Việt Nam với BLTTHS các nước, trên cơ sở đó có sự tham khảo nhằm sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật Việt Nam cho hợp lý, hội nhập được với thế giới.

Ở trong nước, trên các góc độ, khía cạnh nghiên cứu khác nhau đã có một số đề tài, công trình khoa học đề cập có liên quan đến đề tài. Cụ thể:

- *Giáo trình*: Các BPNC là một chế định rất quan trọng trong BLTTHS, vì vậy đã có rất nhiều giáo trình, sách tham khảo nghiên cứu, đề cập đến vấn đề này dưới góc độ luật TTHS như: giáo trình *Luật Tố tụng hình sự Việt Nam* của trường Đại học Luật Hà Nội; giáo trình *Luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001; *Các biện pháp ngăn chặn và những vấn đề nâng cao hiệu quả của chúng*, Nxb Công an nhân dân, năm 1995 của Tiến sĩ Nguyễn Vạn Nguyên; *Những biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, năm 1997 của Thạc sĩ Nguyễn Mai Bộ; *Các biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự - những vấn đề về lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, năm 1999 của Tiến sĩ Nguyễn Duy Thuân; *Hệ thống biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng của lực lượng cảnh sát nhân dân*, Nxb Công an nhân dân, năm 2001 của Tiến sĩ Trịnh Văn Thanh; *Về tự do cá nhân và biện pháp cưỡng chế tố tụng hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, năm 2005 của Tiến sĩ Trần Quang Tiệp;...

Các giáo trình và sách tham khảo nói trên đã tập trung nghiên cứu về các BPNC dưới góc độ luật TTHS. Vì vậy, nó có ý nghĩa đối với việc nghiên cứu đề tài ở khía cạnh cơ sở pháp lý.

- Luận án, luận văn, đề tài khoa học

+ Luận án tiến sĩ luật học, chuyên ngành hình pháp học: "*Áp dụng biện pháp ngăn chặn trong điều tra vụ án hình sự của lực lượng cảnh sát nhân dân*" của nghiên cứu sinh Trịnh Văn Thanh, hoàn thành năm 2000.

+ Luận án tiến sĩ luật học năm 2001, chuyên ngành luật Hình sự và TTHS: "*Điều tra các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia trong tình hình hiện nay ở Việt Nam*" của nghiên cứu sinh Lê Minh Hùng.

+ Luận án tiến sĩ luật học năm 2005, chuyên ngành luật hình sự: "*Các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam trong tố tụng hình sự Việt Nam. Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp*" của nghiên cứu sinh Nguyễn Văn Điệp.

Tuy nhiên, các công trình nói trên chủ yếu đề cập đến một số BPNC cụ thể, hoặc nghiên cứu các BPNC trong các giai đoạn điều tra cụ thể. Vì vậy, đây là đề tài đầu tiên nghiên cứu một cách sâu sắc, toàn diện và có hệ thống về các BPNC trong giai đoạn điều tra hình sự ở Việt Nam hiện nay.

3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục tiêu nghiên cứu

Làm rõ những vấn đề lý luận về các BPNC và thực tiễn áp dụng các BPNC trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, từ đó đề xuất hệ thống giải pháp có tính khả thi, góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng các BPNC trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Làm rõ những nhận thức cơ bản về các BPNC trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự (khái niệm, đặc điểm liên quan, cơ sở áp dụng...).

- Đánh giá đúng thực trạng áp dụng các BPNC trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự ở Việt Nam hiện nay.

- Đề xuất một số giải pháp, kiến nghị nâng cao hiệu quả áp dụng các BPNC trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

- *Đối tượng nghiên cứu*: Những vấn đề lý luận và thực tiễn về các BPNC trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự ở Việt Nam.

- Phạm vi nghiên cứu

+ *Về nội dung*: Luận văn nghiên cứu về áp dụng các BPNC trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

+ *Về thời gian*: Luận văn nghiên cứu từ năm 2003 (thời điểm ban hành BLTTHS năm 2003) đến nay.

+ *Về địa bàn*: Luận văn nghiên cứu trong phạm vi toàn quốc, tập trung chủ yếu ở các tỉnh, thành phố đã xảy ra nhiều án hình sự như: thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh Tây Nguyên, Quảng Ninh, Hải Phòng.

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn được thực hiện dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về chính sách hình sự và đấu tranh phòng chống tội phạm. Đồng thời, sử dụng một số phương pháp cụ thể sau: Phương pháp khảo sát điển hình, phương pháp thống kê, phương pháp so sánh, phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp, Phương pháp chuyên gia..

6. Những đóng góp mới của luận văn

* *Về mặt lý luận*

Luận văn góp phần bổ sung, hoàn thiện hệ thống lý luận khoa học về điều tra hình sự nói chung và các BPNC trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự nói riêng.

* *Về mặt thực tiễn*

- Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng về BPNC trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, xác lập cơ sở pháp lý, đề xuất giải pháp, kiến nghị nâng cao hiệu quả áp dụng các BPNC trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự trong thời gian tới.

- Luận văn và các sản phẩm khoa học được tạo lập trong quá trình nghiên cứu luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong nghiên cứu chuyên ngành luật Hình sự và TTHS.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

Chương 2: Quy định của pháp luật Việt Nam về biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự và thực trạng áp dụng.

Chương 3: Các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ

1.1. Khái niệm

1.1.1. Khái niệm biện pháp ngăn chặn

Qua phân tích, tác giả luận văn đưa ra khái niệm BPNC như sau: *BPNC là biện pháp cưỡng chế nhà nước mang tính phòng ngừa do người có quyền hạn được quy định trong BLTTHS áp dụng đối với bị can, bị cáo, người liên quan đến tội phạm chưa bị khởi tố, khi có căn cứ áp dụng nhằm ngăn chặn tội phạm, bảo đảm cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự.*

1.1.2. Khái niệm giai đoạn điều tra vụ án hình sự

Tác giả luận văn đưa ra khái niệm của giai đoạn điều tra vụ án hình sự: *Giai đoạn điều tra vụ án hình sự là quá trình áp dụng pháp luật nhằm làm rõ sự thật khách quan toàn diện về vụ án hình sự. Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra (CQĐT) tiến hành các hoạt động theo quy định của BLTTHS để thu thập chứng cứ, bao gồm chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, chứng cứ xác định tình tiết tăng nặng, chứng cứ xác định tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can cũng như chứng cứ xác định các tình tiết khác của vụ án.*

1.2. Vị trí, vai trò của các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

1.2.1. Vị trí các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

BLTTHS quy định về các BPNC là có ý nghĩa về mặt lập pháp, thể hiện vị trí, vai trò hết sức quan trọng, đảm bảo cho việc đấu tranh phòng, chống tội phạm

có hiệu quả, đảm bảo hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng (THTT) được thuận lợi, thể hiện sự chuyên chính của Nhà nước xã hội chủ nghĩa (XHCN) trong việc đấu tranh chống tội phạm. Các BPNC được quy định trong BLTTHS còn góp phần tích cực vào việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ sự an toàn, vững mạnh của chế độ XHCN, bảo vệ tài sản, tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân.

1.2.2. Vai trò của các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

Vai trò của các BPNC trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự được thể hiện như sau: kịp thời ngăn chặn tội phạm hoặc khi có căn cứ chứng tỏ bị can, bị cáo sẽ gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố xét xử hoặc sẽ tiếp tục phạm tội, cũng như khi cần bảo đảm thi hành án, CQĐT, Viện kiểm sát (VKS), Tòa án trong phạm vi thẩm quyền tố tụng của mình hoặc người có thẩm quyền theo quy định của BLTTHS có thể áp dụng một trong những BPNC sau: bắt, tạm giữ, tạm giam...

1.3. Căn cứ, nội dung, điều kiện áp dụng biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

1.3.1. Căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

Trên cơ sở Điều 79 BLTTHS, căn cứ áp dụng các BPNC bao gồm:

Thứ nhất, khi cần thiết để kịp thời ngăn chặn tội phạm.

Thứ hai, khi có căn cứ chứng tỏ bị can, bị cáo sẽ gây khó khăn cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử.

Thứ ba, khi có căn cứ chứng tỏ bị can, bị cáo sẽ tiếp tục phạm tội.

Thứ tư, để bảo đảm thi hành án.

1.3.2. Nội dung áp dụng biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

Với tính chất là một giai đoạn độc lập của TTHS, giai đoạn điều tra vụ án hình sự có chức năng thực hiện các nhiệm vụ cụ thể nhằm áp dụng các biện pháp cần thiết do luật định để chứng minh việc thực hiện tội phạm và người phạm tội, xác định rõ những nguyên nhân và điều kiện phạm tội, đồng thời kiến nghị các cơ quan và tổ chức hữu quan áp dụng đầy đủ các biện pháp khắc phục và phòng ngừa tội phạm; Thời điểm của giai đoạn này được bắt đầu từ khi cơ

quan (người) tiến hành TTHS có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự và kết thúc bằng bản kết luận điều tra và quyết định của CQĐT về việc đề nghị VKS truy tố bị can trước Tòa án hoặc đình chỉ vụ án hình sự tương ứng.

1.3.3. Điều kiện áp dụng biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra hình sự

- Về thẩm quyền áp dụng BPNC

Ngoài biện pháp bắt người trong trường hợp phạm tội quả tang, người có lệnh truy nã mà bất kỳ ai cũng có quyền bắt quy định tại Điều 82 BLTTHS thì những BPNC khác phải do những người có trách nhiệm của các cơ quan THTT mới có thẩm quyền áp dụng.

Đối với việc bắt người trong trường hợp khẩn cấp (Điều 81 BLTTHS) và biện pháp tạm giữ (Điều 86 BLTTHS) thì người có thẩm quyền quyết định áp dụng phải là: a) Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT các cấp; b) Người chỉ huy đơn vị quân đội độc lập cấp trung đoàn và tương đương; người chỉ huy đồn biên phòng ở hải đảo và biên giới; c) Người chỉ huy tàu bay, tàu biển, khí tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng.

Thẩm quyền áp dụng biện pháp bắt bị can, bị cáo để tạm giam (Điều 80 BLTTHS) và biện pháp tạm giam (Điều 88 BLTTHS) phải là: a) Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) và VKS quân sự các cấp; b) Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân (TAND), Tòa án quân sự các cấp; c) Thẩm phán giữ chức vụ Chánh tòa, Phó Chánh tòa Tòa phúc thẩm TANDTC; HĐXX; d) Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT các cấp.

Thẩm quyền áp dụng các biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Điều 91 BLTTHS); Bảo lĩnh (Điều 92 BLTTHS); Đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để đảm bảo (Điều 93 BLTTHS) do: a) Viện trưởng, Phó Viện trưởng VKSND và VKS quân sự các cấp; b) Chánh án, Phó Chánh án TAND và Tòa án quân sự các cấp; c) Thẩm phán giữ chức vụ Chánh tòa, Phó Chánh tòa Tòa phúc thẩm TANDTC; HĐXX; d) Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT các cấp; đ) Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa có quyền ra quyết định về việc bảo lãnh.

- Về thủ tục áp dụng BPNC

Tương ứng với mỗi BPNC, luật quy định chi tiết thủ tục áp dụng đối với cơ quan THTT, người THTT, người tham gia tố tụng và các cơ quan, tổ

chức, cá nhân khác tham gia vào quá trình giải quyết vụ án. Đó là các thủ tục về tiến hành, thủ tục lập biên bản, thủ tục ra quyết định, thủ tục phê chuẩn... và thời hạn, thời điểm áp dụng các BPNC.

1.4. Vấn đề bảo vệ quyền con người trong việc áp dụng biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

1.4.1. Quyền con người được quy định trong Hiến pháp và các văn bản pháp lý khác

Nhằm bảo đảm quyền con người, Hiến pháp năm 2013 của nước ta đã dành riêng một phần của Chương 2 quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân. Trong đó quy định về quyền con người, quyền công dân có 29 điều (từ Điều 14 đến Điều 43), với những nội dung cơ bản như: quyền bình đẳng trước pháp luật, quyền được nhà nước bảo hộ, quyền được sống, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, đời tư, nơi ở hợp pháp...

Ngoài ra, trong các văn bản quy phạm pháp luật khác cũng đã chú trọng về quyền con người. Những năm qua, Nhà nước ta đã ban hành mới và bổ sung, sửa đổi một số lượng lớn văn bản quy phạm pháp luật liên quan quyền dân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quyền của nhóm các đối tượng dễ bị tổn thương. Hệ thống văn bản luật đã từng bước thể chế hóa các chính sách của Đảng về quyền con người, tạo cơ sở pháp lý cho việc đảm bảo quyền con người trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

1.4.2. Bảo vệ quyền con người thông qua quy định của luật tố tụng hình sự về áp dụng các biện pháp ngăn chặn

Nhằm tránh việc lợi dụng của các cơ quan THTT và người THTT khi áp dụng áp dụng những biện pháp này xâm hại đến quyền con người, Luật TTHS quy định chặt chẽ mục đích, căn cứ, thẩm quyền, thủ tục áp dụng.

Điều 79 BLTTHS quy định chỉ áp dụng BPNC với hai mục đích là ngăn chặn không cho tội phạm tiếp tục xảy ra gây thiệt hại cho xã hội, không để người phạm tội tiếp tục thực hiện tội phạm hoặc cản trở điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án trốn tránh sự trừng phạt của pháp luật; tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan THTT giải quyết vụ án như không để người phạm tội có thể xóa bỏ dấu vết phạm tội, tiêu hủy chứng cứ, làm giả chứng cứ, thông cung

giữa những người phạm tội hoặc với người làm chứng, đảm bảo sự có mặt của bị can, bị cáo, bị án khi có yêu cầu của cơ quan THTT.

Ngoài hai mục đích trên BPNC không được áp dụng với bất kỳ mục đích nào khác, nhất là đối với ý đồ xâm phạm quyền con người.

Như vậy, vấn đề bảo vệ quyền con người đã được BLTTHS Việt Nam quy định hết sức cụ thể, rõ ràng thông qua các nguyên tắc như: thừa nhận Tòa án là cơ quan duy nhất có quyền xét xử các vụ án hình sự; bảo vệ quyền cơ bản của công dân; bảo vệ quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm, quyền bào chữa, quyền kháng cáo, quyền minh oan...

1.5. Biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự trong một số mô hình tố tụng hình sự tiêu biểu

Tác giả luận văn đã trình bày sơ lược BPNC trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự trong một số mô hình tố tụng hình sự tiêu biểu, bao gồm:

1.5.1. Biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự của Liên bang Nga

1.5.2. Biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự của Trung Quốc

1.5.3. Biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự của Cộng hòa Liên bang Đức

Chương 2

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ VÀ THỰC TRẠNG ÁP DỤNG

2.1. Quy định của pháp luật Việt Nam về biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

2.1.1. Quy định của pháp luật Việt Nam về biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự trước năm 2003

Tác giả luận văn trình bày sơ lược các quy định của pháp luật Việt Nam về biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự từ khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến trước khi BLTTHS năm 2003 ra đời.

Các BPNC trong các văn bản pháp luật thời kỳ đó đóng góp vai trò quan trọng trong công cuộc phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số hạn chế, như: người bị giam, giữ một cách oan hoàn toàn có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại không được đền bù thiệt hại một cách thỏa đáng; các CQĐT, VKS đều có vi phạm pháp luật TTHS về thời hạn giải quyết ở nhiều khâu...

2.1.2. Quy định của pháp luật Việt Nam về các biện pháp ngăn chặn theo Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003

Các BPNC được quy định tại Chương VI, từ Điều 79 đến Điều 94 BLTTHS năm 2003.

2.1.2.1. Căn cứ chung áp dụng các biện pháp ngăn chặn

Theo Điều 79 BLTTHS, căn cứ áp dụng các BPNC bao gồm:

Thứ nhất, khi cần thiết để kịp thời ngăn chặn tội phạm.

Thứ hai, khi có căn cứ chứng tỏ bị can, bị cáo sẽ gây khó khăn cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử.

Thứ ba, khi có căn cứ chứng tỏ bị can, bị cáo sẽ tiếp tục phạm tội.

Thứ tư, để bảo đảm thi hành án.

2.1.2.2. Các biện pháp ngăn chặn cụ thể theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự

- Về các biện pháp bắt người, có 05 trường hợp sau:

Thứ nhất, bắt quả tang (quy định tại Điều 82 BLTTHS).

Thứ hai, bắt theo quyết định truy nã.

Thứ ba, bắt khẩn cấp (quy định tại Điều 81 BLTTHS).

Thứ tư, bắt bị can, bị cáo để tạm giam (quy định tại Điều 80, BLTTHS).

Thứ năm, bắt một số đối tượng đặc biệt. Việc bắt vẫn tuân thủ quy định tại các điều 80, 81, 82 BLTTHS về bắt người, nhưng còn phải chấp hành thêm một số thủ tục được quy định tại văn bản pháp luật khác.

- Về biện pháp tạm giữ, được quy định tại Điều 86 và 87 BLTTHS.

- Về biện pháp tạm giam, được quy định tại Điều 88 BLTTHS.

2.1.2.3. Các biện pháp ngăn chặn khác

Các BPNC khác theo quy định của BLTTHS bao gồm: cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm.

- *Biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú*, được quy định tại Điều 91 BLTTHS.
- *Biện pháp bảo lãnh*, được quy định tại Điều 92 BLTTHS.
- *Biện pháp đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm*, được quy định tại Điều 93 BLTTHS.

2.2. Thực trạng áp dụng biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

2.2.1. Thực tiễn áp dụng biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

Bộ luật TTHS năm 2003 quy định các BPNC về cơ bản đã khắc phục được những khó khăn vướng mắc của BLTTHS năm 1998. Do đó, việc áp dụng các BPNC trong quá trình THTT, nhất là trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đã phát huy hiệu quả, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Tác giả luận văn đã trình bày về thực tiễn áp dụng biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự ở các mặt cụ thể sau:

- 2.2.1.1. *Về áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt người*
- 2.2.1.2. *Về áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ*
- 2.2.1.3. *Về áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam*
- 2.2.1.4. *Về áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú*
- 2.2.1.5. *Về áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh*
- 2.2.1.6. *Về áp dụng biện pháp ngăn chặn đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để đảm bảo*

2.2.2. Những khó khăn, vướng mắc và hạn chế trong việc áp dụng biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

2.2.2.1. Những khó khăn, tồn tại của việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

Thời gian qua, việc áp dụng các BPNC trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đã đạt được nhiều thành công nhưng vẫn còn một số tồn tại, hạn chế. Cụ thể:

- Bắt người phạm tội quả tang và không lập biên bản bắt người hoặc có lập biên bản, nhưng không có chữ ký của người bị hại, người làm chứng.
- Lập biên bản bắt người trong trường hợp khẩn cấp không đúng quy định: biên bản bắt người chỉ có một chữ ký của điều tra viên.

- Tình trạng lạm dụng bắt khẩn cấp còn kéo dài.

Trên thực tế có một số khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện việc bắt. Cụ thể là:

- Việc xác định một người nào đó đang phạm tội quả tang hay vi phạm hành chính đối với trình độ hiểu biết pháp luật của người dân trong nhiều trường hợp không xác định được, do vậy có trường hợp chỉ là vi phạm hành chính nhưng cũng bị đuổi bắt và giải đến cơ quan công an, VKS hoặc Ủy ban nhân dân (UBND).

- Ở thành phố, thị xã, rất ít trường hợp công dân bắt người phạm tội quả tang và giải đến UBND nơi gần nhất mà thường giải đến cơ quan công an nơi gần nhất. Ở chính quyền cấp xã thì công an xã thường nằm trong trụ sở UBND xã cho nên nếu có người giải người phạm tội quả tang đến UBND thì UBND lại giao cho công an xã giải quyết. Mặc dù quy định cho công dân giải người phạm tội quả tang đến cơ quan công an nơi gần nhất để đảm bảo tính nhanh chóng kịp thời nhưng thực tế xảy ra các trường hợp khi giải người đến cơ quan công an, trước hết cán bộ trực ban phải hỏi về địa điểm xảy ra vụ việc. Nếu xảy ra ở địa bàn phường, xã khác thì thường hướng dẫn công dân giải người đó đến cơ quan công an hoặc VKS hoặc UBND phường hoặc xã quản lý địa bàn xảy ra vụ việc. Lập luận về vấn đề này cán bộ làm công tác thực tế cho rằng thẩm quyền giải quyết vụ việc phải theo lãnh thổ về địa giới hành chính.

2.2.2.2. Nguyên nhân của những tồn tại trong áp dụng biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

a) Nguyên nhân khách quan (từ phía lập pháp)

- Quy định về bắt, tạm giữ, tạm giam chưa chặt chẽ nên dễ bị lạm dụng
- Biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm chưa cụ thể nên chưa phát huy hiệu quả trong thực tiễn
- Một số căn cứ được quy định tại Điều 79 BLTTHS không được cơ quan có thẩm quyền giải thích nên gây ra những hạn chế.
- Các điều 86, 87 BLTTHS quy định về biện pháp tạm giữ, nhưng không đề cập đến căn cứ áp dụng làm cho việc áp dụng tùy tiện, tràn lan "hễ bắt là tạm giữ" nên không phát huy được hiệu quả.

- Điều 126 BLTTHS không chỉ rõ định tính, định lượng, tức là cái gì là căn cứ và đủ căn cứ là bao nhiêu? Việc khởi tố bị can tràn lan và có nhiều trường hợp không cần thiết áp dụng biện pháp tạm giam vẫn bị tạm giam có nguyên nhân sâu xa xuất phát từ quy định của điều luật này.

- BLTTHS năm 2003 thiếu quy phạm về "căn cứ không khởi tố bị can" nên dễ dẫn đến sai lầm khi ra quyết định khởi tố bị can do không có căn cứ "làm phép đếm loại trừ" và gây ra oan.

- Trong các điều 80, 81, 82 BLTTHS quy định về bắt người, nhưng không có quy định nào đề cập đến thời điểm kết thúc của việc bắt nên có thể hạn chế quyền và tự do của con người với thời hạn không xác định.

- Điều 91 BLTTHS không quy định căn cứ áp dụng và các điều 92, 93 không quy định căn cứ cụ thể về tính chất nghiêm trọng của tội phạm để áp dụng là nguyên nhân dẫn đến hiệu quả thấp đối với biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh và đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm.

b) Nguyên nhân chủ quan

Công tác phân loại vụ việc ở cơ sở xã, phường, thị trấn và việc đánh giá hồ sơ của điều tra viên không chính xác, có sự nhầm lẫn giữa vi phạm hành chính với tội phạm.

Cán bộ điều tra có tâm lý "Bắt thay cho điều tra" nên kéo dài tình trạng lạm dụng bắt khẩn cấp, lạm dụng tạm giam, không phát huy hiệu quả của các BPNC khác.

Cán bộ trực tiếp thụ lý vụ án không theo dõi thời hạn tạm giam đối với các đối tượng có trong hồ sơ và giám thị trại tạm giam không thông báo đúng quy định khi thời hạn tạm giam bị can, bị cáo sắp hết theo Điều 11 của Quy chế về tạm giữ, tạm giam được ban hành kèm theo Nghị định số 89/1998/NĐ-CP ngày 7/11/1988 của Chính phủ

Thái độ không nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật TTHS của một số điều tra viên, giám thị dẫn đến việc lợi dụng chức vụ, lạm dụng quyền hạn tha người trái pháp luật, đánh đập, nhục hình đối tượng gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

Ở một số nơi còn buông lỏng quản lý tạm giữ, tạm giam để cho đối tượng vi phạm kỷ luật, cá biệt đánh nhau gây hậu quả chết người.

Chương 3

CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ

ÁP DỤNG BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA

VỤ ÁN HÌNH SỰ

3.1. Cơ sở nâng cao hiệu quả áp dụng biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

Cơ sở nâng cao hiệu quả áp dụng BPNC trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự được thể hiện trên ba phương diện dưới đây:

- Về phương diện thực tiễn áp dụng pháp luật

Cơ quan THTT đã áp dụng các BPNC để giải quyết tình hình tội phạm có hiệu quả. Tuy nhiên, tồn tại cần phải giải quyết trong quá trình đó là: việc áp dụng các biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh và đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm đạt hiệu quả thấp; nhiều trường hợp lạm dụng bắt khẩn cấp, tạm giam; thời hạn tạm giam kéo dài có chiều hướng tăng; tạm giữ hình sự thay cho tạm giữ hành chính; những vi phạm trong áp dụng BPNC gây hậu quả nghiêm trọng, như dùng tra tấn, nhục hình biến tướng đối với người bị tạm giữ, tạm giam gây chết người; còn biểu hiện của tư tưởng "Quyền anh, quyền tôi" nên CQĐT không chấp hành quyết định từ chối phê chuẩn của VKS đối với quyết định gia hạn tạm giữ lần thứ nhất, lần thứ hai; trả tự do trái pháp luật; việc trả tự do chiếm tỷ lệ cao đối với người bị tạm giam sau đó miễn TNHS.

- Về phương diện lý luận

Từ thực tiễn áp dụng các BPNC đã phân tích, đặt ra những vấn đề cần được lý luận giải quyết như sau:

Một là, đối tượng bị áp dụng các BPNC không chỉ là bị can, bị cáo như quy định trong BLTTHS năm 2003;

Hai là, việc ra lệnh bắt khẩn cấp chủ yếu thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT các cấp; một số người khác được giao thẩm quyền này phải được gắn với các yếu tố như ở địa bàn xa xôi, hẻo lánh, ở xa CQĐT;

Ba là, việc chỉ gửi cho VKS quyết định tạm giữ như hiện hành liệu đã được kiểm sát chặt chẽ;

Bốn là, việc áp dụng biện pháp tạm giam như quy định tại Điều 88 trên thực tế áp dụng còn nhiều hạn chế về căn cứ tạm giam, thủ tục xem xét ra lệnh tạm giam, thời hạn tạm giam;

Năm là, bằng cách nào để nâng cao hiệu quả áp dụng các biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm nhằm thực hiện xã hội hóa việc thi hành pháp luật;

Giải quyết được những vấn đề lý luận này còn có ý nghĩa nâng cao nhận thức pháp luật để có thái độ đúng đắn, thận trọng đối với người THPT khi áp dụng các BPNC trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

- Về phương diện lập pháp

Từ những tồn tại của thực tiễn áp dụng chế định các BPNC trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự và những vấn đề nảy sinh từ lý luận cần giải quyết cho thấy, pháp luật thực định có những nội dung còn thiếu, chưa được xác định hoặc chưa rõ nghĩa để từ đó, bổ sung, sửa đổi, hủy bỏ cho phù hợp với thực tiễn, đồng thời, đáp ứng được khả năng phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm theo dự báo tình hình tội phạm trong giai đoạn mới.

Vấn đề tiếp theo cho lập pháp là cần phải hoàn thiện những quy phạm về chế định các BPNC để nâng cao hiệu quả áp dụng các BPNC trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

3.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

3.2.1. Hoàn thiện quy định của pháp luật về các biện pháp ngăn chặn

- Về các biện pháp và căn cứ áp dụng BPNC (Điều 79): Đề xuất bổ sung Điều 79 BLTTHS như sau: "Để kịp thời ngăn chặn tội phạm hoặc khi có căn cứ chứng tỏ người bị nghi thực hiện tội phạm, bị can, bị cáo, người bị kết án sẽ gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc sẽ tiếp tục phạm tội, cũng như khi cần bảo đảm thi hành án...".

- Về biện pháp bắt người trong trường hợp khẩn cấp (Điều 81): Đề xuất bổ sung người có thẩm quyền ra lệnh bắt khẩn cấp gồm: *chỉ huy trưởng biên phòng cửa khẩu cảng, chỉ huy trưởng vùng cảnh sát biển, chỉ huy trưởng chỉ huy kiểm ngư vùng.*

- Về biện pháp tạm giữ (Điều 86): Đề nghị bổ sung vào khoản 3 Điều 86 theo hướng gửi cả những tài liệu khác làm căn cứ cho việc tạm giữ. Cụ thể là: "Trong thời hạn 12 giờ, kể từ ngày ra quyết định tạm giữ, quyết định tạm giữ cùng các tài liệu làm căn cứ cho việc tạm giữ phải được gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp...".

- Về biện pháp tạm giam (Điều 88)

+ Về căn cứ tạm giam: đề xuất sửa theo hướng kết hợp giữa căn cứ phân loại tội phạm với căn cứ cho rằng nếu không áp dụng biện pháp tạm giam, bị can, bị cáo có thể cản trở, gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử, bỏ trốn hoặc tiếp tục phạm tội. Đồng thời, về kỹ thuật lập pháp, sửa quy định "Bị can, bị cáo phạm tội..." thành "Bị can, bị cáo bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử về tội" cho phù hợp với tinh thần của nguyên tắc suy đoán vô tội được thể hiện trong Hiến pháp. Hướng sửa đổi cụ thể như sau:

1. *Tạm giam có thể được áp dụng đối với bị can, bị cáo bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử về tội đặc biệt nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng, tội nghiêm trọng, tội ít nghiêm trọng mà BLHS quy định hình phạt tù và không có nơi cư trú rõ ràng hoặc có căn cứ cho rằng người đó có thể trốn hoặc cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc tiếp tục phạm tội.*

+ Về thủ tục xem xét ra lệnh tạm giam: bổ sung quy định để đảm bảo việc áp dụng biện pháp tạm giam của những người có thẩm quyền tuân thủ các căn cứ luật định. Theo đó, đề xuất bổ sung vào khoản 2 quy định:

2. Những người có thẩm quyền ra lệnh bắt được quy định tại Điều 80 của Bộ luật này có quyền ra lệnh tạm giam. *Lệnh tạm giam phải dựa trên các chứng cứ, tài liệu chứng minh căn cứ cần thiết phải tạm giam theo quy định tại khoản 1 Điều này...*

+ Về thời hạn tạm giam để điều tra: đề xuất sửa BLTTHS hiện hành theo hướng quy định thống nhất thời hạn tạm giam để điều tra với thời hạn điều tra.

- Về biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Điều 91)

+ Về căn cứ áp dụng: đề xuất bổ sung căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của bị can, bị cáo. Cụ thể là:

1. Cấm đi khỏi nơi cư trú là BPNC có thể được áp dụng đối với bị can, bị cáo có nơi cư trú ổn định, nhân thân lai lịch rõ ràng và không có căn cứ

cho rằng người đó có thể bỏ trốn hoặc cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc có thể tiếp tục phạm tội nhằm bảo đảm sự có mặt của họ theo giấy triệu tập của Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Tòa án.

+ Về nghĩa vụ của bị can, bị cáo: Đề xuất bổ sung nghĩa vụ cam đoan của bị can, bị cáo.

+ Về trách nhiệm của chính quyền địa phương: đề xuất bổ sung nghĩa vụ của bị can, bị cáo và trách nhiệm của chính quyền xã, phường, thị trấn trong việc theo dõi người được áp dụng BPNC này.

+ Bổ sung thời hạn áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo hướng: Thời hạn áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú không được quá thời hạn điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật này.

- Về biện pháp bảo lãnh (Điều 92)

Đề xuất sửa theo hướng:

+ Bổ sung quy định về điều kiện của cá nhân nhận bảo lãnh: không liên quan đến vụ án; cư trú cùng địa phương với người được bảo lãnh và có thu nhập ổn định.

+ Quy định biện pháp chế tài áp dụng đối với cá nhân và tổ chức nhận bảo lãnh khi vi phạm nghĩa vụ cam đoan phải bị phạt tiền.

+ Quy định nghĩa vụ cam đoan của người được bảo lãnh: 1. Phải có mặt đúng thời gian và địa điểm ghi trong giấy triệu tập; 2. Không mua chuộc, cưỡng ép hoặc xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; 3. Không tiêu hủy hoặc làm sai lệch chứng cứ, thông cung hoặc thực hiện các hành vi khác cản trở hoạt động điều tra, truy tố, xét xử.

- Về biện pháp đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm (Điều 93)

+ Để kịp thời áp dụng BPNC thay thế biện pháp tạm giam, tránh các thủ tục phiền hà liên quan đến định giá, bảo quản tài sản, đề xuất chỉ quy định đặt tiền để bảo đảm, không quy định đặt tài sản.

+ Quy định người đặt tiền không chỉ là bị can, bị cáo mà còn là người thân thích của bị can, bị cáo.

+ Quy định rõ các trường hợp không áp dụng biện pháp đặt tiền trong Bộ luật.

+ Quy định rõ nghĩa vụ cam đoan của bị can, bị cáo: 1. Phải cam đoan có mặt theo đúng thời gian, địa điểm ghi trong giấy triệu tập của CQĐT, VKS, Tòa án; 2. Không bỏ trốn hoặc tiếp tục phạm tội; 3. Không mua chuộc, cưỡng ép hoặc xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; không tiêu hủy hoặc làm sai lệch chứng cứ hoặc thông cung hoặc thực hiện các hành vi khác gây cản trở hoạt động điều tra.

3.2.2. Tuân thủ các quy định của pháp luật trong quá trình áp dụng các biện pháp ngăn chặn

Đối với CQĐT, cần nâng cao chất lượng công tác áp dụng biện pháp bắt khẩn cấp; chấp hành các quyết định không phê chuẩn bắt khẩn cấp, gia hạn tạm giữ của VKS; chấm dứt những sự việc nhục hình, tra tấn trong điều tra. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật trong điều tra.

Đối với VKS, trong giai đoạn điều tra và truy tố, với chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong TTHS, VKS có vai trò quyết định trong việc sử dụng các BPNC nên cần phải chính xác trong các trường hợp phê chuẩn áp dụng các BPNC.

Đối với Tòa án, sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và bản cáo trạng do VKS chuyển đến, Thẩm phán đánh giá được đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm của người phạm tội nên có thể xác định rõ việc có cần thiết tiếp tục áp dụng biện pháp tạm giam hay thay thế BPNC khác.

3.2.3. Nâng cao tinh thần trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng trong áp dụng biện pháp ngăn chặn

Tùy từng chức năng, nhiệm vụ mà mỗi cơ quan cần làm tốt các việc sau:

- Tăng cường trách nhiệm của CQĐT và Điều tra viên khi thụ lý điều tra các vụ án trên cả lĩnh vực ngăn chặn tội phạm lẫn trốn cũng như áp dụng các biện pháp truy bắt nhằm đảm bảo thời hạn và kết quả điều tra.

- Để việc áp dụng các BPNC vừa đảm bảo được mục đích của nó là nhằm ngăn chặn kịp thời hành phạm tội, không để họ cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc sẽ tiếp tục phạm tội cũng như nhằm đảm bảo cho việc thi hành án, đồng thời đảm bảo các quyền và lợi ích chính đáng của công dân thì CQĐT cần đề cao trách nhiệm của mình trước khi ra quyết định áp dụng BPNC.

- Các cơ quan THTT cần nâng cao hiệu quả các biện pháp điều tra tố tụng, phối kết hợp với các cơ quan chức năng như chính quyền địa phương, gia đình, cơ quan nơi làm việc của đối tượng... giám sát chặt chẽ các đối tượng được tại ngoại, tạm hoãn thi hành án để hạn chế số đối tượng bỏ trốn.

- Khi bắt giữ người bị truy nã cần kết hợp, cùng kiểm tra nhiều thông tin như đặc điểm nhận dạng, thái độ, địa điểm xuất hiện... của đối tượng nghi vấn.

- Tập trung chỉ đạo áp dụng tổng hợp các biện pháp nghiệp vụ để nâng cao hiệu quả áp dụng BPNC. Công an các cấp phải phối hợp với VKSND, TAND các cấp áp dụng các BPNC phù hợp, không để đối tượng lợi dụng sơ hở để bỏ trốn.

- Cơ quan điều tra các cấp thường làm tốt công tác phòng ngừa, nâng cao chất lượng cũng như kết quả điều tra khám phá án, hạn chế đối tượng bỏ trốn, hàng năm phải đề ra chỉ tiêu phần đầu giảm đối tượng truy nã; chủ trì phối hợp với VKSND, TAND cùng cấp tiến hành rà soát, thanh loại các đối tượng ra khỏi diện truy nã theo Nghị quyết 33/2009/NQ-QH12 ngày 19/6/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS và các căn cứ khác theo quy định của pháp luật.

- Cần nâng cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường các biện pháp phòng ngừa, quản lý tạm giam, tạm giữ, cải tạo phạm nhân nhằm hạn chế đến mức thấp nhất đối tượng tạm giam, tạm giữ, phạm nhân bỏ trốn.

- Tổ chức tốt công tác điều tra tại hiện trường, bắt giữ kịp thời tội phạm, không để chúng có điều kiện chạy trốn. CQĐT khi nhận được tin báo có tội phạm xảy ra hoặc có đối tượng trốn cải tạo, trại tạm giam, nhà tạm giữ... cần nhanh chóng triển khai lực lượng đến hiện trường.

3.2.4. Xử lý nghiêm minh, kịp thời các trường hợp vi phạm trong quá trình áp dụng biện pháp ngăn chặn

Biện pháp ngăn chặn là các biện pháp hữu hiệu giúp cho các cơ quan có thẩm quyền giải quyết vụ án kịp thời, nhanh chóng, góp phần ngăn chặn tội phạm, ngăn ngừa những hành vi cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử. Mặc dù vậy trong thực tế áp dụng các biện pháp này tình trạng vi phạm pháp luật vẫn hay xảy ra, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng này phần lớn là do những người có thẩm quyền áp dụng các BPNC. Sự kém hiểu biết pháp luật của họ đã dẫn đến những sai lầm bởi họ là những người trực tiếp áp dụng những biện pháp này lên những người bị áp dụng. Mặt khác là sự lạm dụng quyền lực của những người có thẩm quyền, vì lợi ích cá nhân mà cố tình làm sai lệch kết quả THTT.

Bởi vậy, việc xử lý nghiêm minh những người có hành vi vi phạm pháp luật trong việc áp dụng các BPNC là một vấn đề hết sức quan trọng nhằm đảm bảo được quyền lợi chính đáng của công dân.

3.2.5. Tăng cường mối quan hệ phối hợp, trao đổi giữa các cơ quan tiến hành tố tụng cũng như các cơ quan, tổ chức hữu quan

Để việc áp dụng BPNC có hiệu quả cần có sự phối kết hợp, trao đổi của các cơ quan THTT thể hiện:

- Thực hiện tốt mối quan hệ giữa CQĐT với VKSND và TAND; giữa Điều tra viên với trình sát; giữa cơ quan Công an, VKS hoặc UBND - là những cơ quan tiếp nhận đối tượng truy nã; giữa cơ quan, tổ chức nơi làm việc trước đây của đối tượng truy nã với cơ quan chức năng...

- Chỉ đạo, quán triệt các Thẩm phán trong đơn vị sau khi kết thúc việc xét xử vụ án hình sự phải khẩn trương hoàn thiện bản án, quyết định để tiến hành giao bản án.

- Chỉ đạo tiến hành ngay việc rà soát, thống kê các trường hợp cụ thể những người bị kết án mà bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật nhưng Tòa án chưa ra quyết định thi hành án để ra ngay quyết định thi hành án đối với họ.

- Rà soát, thống kê cụ thể các trường hợp người bị kết án phạt tù được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt nhưng đã hết thời hạn được hoãn hoặc được tạm đình chỉ.

- Trong quá trình điều tra, Điều tra viên cần phải xây dựng kế hoạch, chiến thuật điều tra khi tiến hành điều tra các vụ án để vừa bắt triệt để các đối tượng phạm tội vừa không để các đối tượng trốn, nâng cao tỷ lệ điều tra khám phá án và ra quyết định truy nã phải theo đúng quy định của BLTTHS.

- Lực lượng Công an các cấp có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với VKSND, TAND các cấp trong quá trình áp dụng các BPNC, đồng thời

hướng dẫn các cơ quan, tổ chức và công dân tham gia phát hiện, tố giác, bắt giữ đối tượng phạm tội, góp phần đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, giữ vững an ninh, trật tự.

3.2.6. Các giải pháp khác

- Củng cố, kiện toàn tổ chức các cơ quan áp dụng các BPNC trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ chức năng trong quá trình tiến hành tố tụng, nhất là trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

- Xây dựng cơ chế ưu đãi về chế độ, chính sách đối với đội ngũ tiến hành tố tụng.

- Tăng cường trang bị cơ sở vật chất cho cơ quan THTT.

- Phát động phong trào quần chúng tham gia phòng chống tội phạm.

KẾT LUẬN

Các BPNC là một trong những biện pháp cưỡng chế Nhà nước, mang tính phòng ngừa do người có quyền hạn được quy định trong BLTTHS áp dụng đối với người có liên quan đến việc thực hiện tội phạm chưa bị khởi tố, bị can, bị cáo để ngăn chặn tội phạm và bảo đảm cho điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án nên được coi là phương tiện pháp lý sắc bén, có hiệu quả nhất để giải quyết tình hình tội phạm. Do đó, các BPNC có vai trò, vị trí hết sức quan trọng trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Việc áp dụng các BPNC thể hiện tính chuyên chính của Nhà nước ta trong phòng ngừa và ĐTCTP bằng sức mạnh cưỡng chế, tính ưu việt của Nhà nước XHCN; tạo điều kiện thuận lợi cho cả quá trình xử lý vụ án, tôn trọng và bảo vệ quyền cá nhân được Hiến pháp và pháp luật ghi nhận.

Qua nghiên cứu thực tiễn áp dụng các BPNC cho thấy, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, có không ít vi phạm trong áp dụng các BPNC như: lạm dụng bắt khẩn cấp; số đối tượng bị bắt không khởi tố và trả tự do còn chiếm tỷ lệ cao; xu hướng áp dụng biện pháp tạm giam có tỷ lệ cao và tăng lên, ngược lại với xu hướng áp dụng các BPNC khác: cấm đi khỏi nơi cư trú,

bảo lãnh, đặt tiền hay tài sản có giá trị để bảo đảm lại thấp và giảm dần; nhiều người bị tạm giam mà không có lệnh tại giai đoạn xét xử; không ít vi phạm trong áp dụng các BPNC gây ra hậu quả nghiêm trọng, sức khỏe của người bị tạm giữ chưa được đảm bảo... Những khó khăn, vướng mắc và hạn chế trong việc áp dụng BPNC trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự nói trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Vì vậy, nghiên cứu đề ra giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả việc áp dụng các BPNC trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự là yêu cầu cấp thiết đặt ra trong tình hình hiện nay.

Nâng cao hiệu quả áp dụng các BPNC được xem xét trên ba phương diện: thực tiễn, lý luận và lập pháp. Cả ba phương diện này đều nhằm giải quyết thực tiễn áp dụng chưa hiệu quả các BPNC trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự hiện nay và những vi phạm trong áp dụng BPNC gây hậu quả nghiêm trọng. Sự cần thiết và những quan điểm cơ bản, cũng như định hướng của từng quan điểm nêu trên sẽ là tiền đề quan trọng cho phương hướng thiết lập các kiến giải về lập pháp, áp dụng pháp luật và một số giải pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các BPNC. Trong các giải pháp đó, thì giải pháp hoàn thiện pháp luật là tiền đề, cần tập trung tiến hành để làm cơ sở cho một số giải pháp khác.

Nghiên cứu thành công đề tài "***Biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự***", học viên hy vọng rằng luận văn sẽ góp phần vào việc giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn đối với việc áp dụng các BPNC trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, nâng cao hiệu quả của chúng trong phòng ngừa và ĐTCTP, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Đây là hướng nghiên cứu cần thiết dưới góc độ nhận thức khoa học và là đánh giá thực tiễn áp dụng các BPNC trong khoa học luật TTHS nước ta hiện nay. Tuy nhiên, do điều kiện, khả năng bản thân còn có những hạn chế nhất định nên luận văn không tránh khỏi những khiếm khuyết. Học viên mong nhận được sự chỉ bảo của các thầy, ý kiến đóng góp của các đồng nghiệp để bổ sung, hoàn thiện luận văn có chất lượng cao hơn và có thể tiếp tục được nghiên cứu vấn đề này một cách sâu sắc, toàn diện hơn.